

Bản án số: **170/2017/DSST**  
Ngày: 11-7-2017  
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Phong Phi**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Lê Văn Phu**
2. Ông **Đặng Tấn Phước**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Đỗ Ngọc Mai Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa:** Ông **Phạm Hoàng Lưu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2016/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp dân sự đòi lại tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2017/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị N**, sinh năm: **1966**,

Địa chỉ: ấp Bắc Đ, xã Nhơn H, huyện An Phú, An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: **1955**; Bà **Lương Thị M**, sinh năm: **1958**.

Địa chỉ: ấp Tắc T, xã Nhơn H, huyện An Phú, An Giang.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm **1959**;

Địa chỉ: ấp Bắc Đ, xã Nhơn H, huyện An Phú, An Giang.

Các đương sự Nt, M, S có mặt, ông T vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn bà N trình bày: Vào năm 1993 bà N có quen biết với bà M và ông T, nên có cho bà M và ông T vay số vàng 3,5 lượng vàng 24 kara (loại bóng ký, vàng nhẫn), khi vay vợ chồng bà M, ông T đến nhà của bà N nhận vàng, có làm biên nhận vàng lập ngày 11/10/1993 do bà M không biết chữ nên có gạch thập. Khi vào thực hiện hợp đồng thì bà N bị bắt giam do vi phạm pháp luật về hình sự và bị xử 10 năm tù, sau khi ra tù năm 2000 bà về có yêu cầu bà M và ông T trả số vàng 3,5 lượng vàng 24kara thì bà M và ông T nói là đã trả cho bà S (mẹ kế N) nên không đồng ý trả nợ.

Tại phiên toà, bà N thay đổi và chỉ yêu cầu bà M trả cho bà số tiền tương đương số vàng là 3,5 lượng vàng 24kara, bà rút lại yêu cầu cầu đòi ông T phải liên đới cùng bà M trả số nợ trên.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T không có trình bày ý kiến, Bà M và ông T có đơn yêu cầu không tham gia hòa giải và xét xử tại phiên tòa. Tại phiên tòa bà M thừa nhận có vay của bà N 3,5 lượng vàng 24kara năm 1993, Tuy nhiên số vàng trên bà đã trả lại cho bà S 1,5 lượng và ông Trần Văn N ba của bà N 02 lượng vàng. Tuy nhiên phần 02 lượng vàng bà M nói trả cho ông N, bà M không có chứng cứ chứng minh cho việc trả này, chỉ có bà đưa cho ông N, còn bà S thì chỉ nghe nói lại có đưa cho ông N, bà N thì không đồng ý với lời trình bày của bà M.

Bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà là mẹ kế của bà N, lúc Tòa án làm việc lần đầu bà lo sợ nên không thừa nhận biết việc vay vàng với Tòa án, tuy nhiên sau khi Tòa án thông báo về nội dung ghi âm thì bà có đến Tòa án để trình bày lại toàn bộ sự việc, bà có biết việc vay mượn 3,5 lượng vàng 24kara giữa bà N và bà M, trong thời gian N bị giam về tội kinh tế bà có đến thăm N, số vàng 1,5 lượng vàng bà có nhận của bà M để lo cho bà N trong thời gian đi tù, mỗi lần đi thăm có cho tiền N, thăm nhiều lần nên không nhớ số lần. Đối với phần còn lại 02 lượng vàng là bà nghe nói bà M trả cho chồng bà là ông Trần Văn N, ông N có về nói lại với bà.

Chứng cứ của vụ án: Bà N khởi kiện bà M và ông T đòi 3,5 lượng vàng nhưng yêu cầu trả bằng tiền. Giá vàng yêu cầu tính theo giá thị trường tại thời điểm xét xử.

Ngày 27/12/2016 Tòa án mời hòa giải và công khai chứng cứ, nhưng bà M và ông T vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ theo yêu cầu của nguyên đơn, ngày 13/01/2017 bà M khai là bà có quen biết với bà N (là con riêng của chồng bà S) bà và bà N không có qua lại làm ăn hay vay mượn gì, bà không thừa nhận biên nhận nợ do bà N cung cấp, bà không đồng ý nhận văn bản của Tòa án mời ngày 27/12/2016.

Bà N cung cấp cho Tòa án đĩa ghi âm, ghi lại cuộc nói chuyện giữa bà N và bà M, Tòa án đã lập biên bản mở đĩa ghi âm và ban hành thông báo công bố nội dung ghi âm cho bà M và ông T biết, sau khi nhận được thông báo, bà M thừa nhận nội dung ghi âm là do bà nói chuyện với bà N và thừa nhận toàn bộ lời nói đó là của bà.

Bị đơn bà M thừa nhận có vay 3,5 lượng vàng nhưng nói đã trả rồi, trả cho bà S 1,5 lượng, trả cho ông N 02 lượng, Bà S thừa nhận bà có đến nhà của bà M để hỏi lấy 1,5 lượng vàng, sau đó đi thăm bà N bà mới nói cho bà N biết, nhưng bà N không nói gì. Đối với 02 lượng vàng bà M cho rằng trả cho ông N nhưng không có giấy tờ gì chứng minh vì nghĩ người thân nên hỏi là trả, bà S cũng chỉ nghe nói lại sự việc chứ không trực tiếp thấy vàng.

Việc thỏa thuận vay vàng là giữa bà N và bà M, nhưng khi trả thì bà M trả cho bà S 1,5 lượng (S tự ý đi lấy mà không có ý kiến của N), bà M tự ý trả cho N 02 lượng nhưng không có ý kiến của N.

Tòa án truy cập trang web: tygiavang.vn. Giấy phép số: 1147/GP-TTĐT do Sở thông tin và truyền thông Hà Nội cấp ngày 05/05/2015, thì giá vàng ngày 11/7/2017 loại vàng nhẫn SJC 99,99 có giá mua vào là 33.830.000 đồng/ 01 lượng; giá bán ra là 34.230.000 đồng/lượng, Tòa án áp dụng mức giá trung bình của vàng mua vào và bán ra là 34.030.000 đồng để làm cơ sở giải quyết vụ án và tính án phí.

Tòa án tiến hành hòa giải lần thứ nhất bị đơn không đến, Bị đơn có đơn yêu cầu không tham gia hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được, Tòa án ghi nhận lời khai, tiến hành đối chất, mở đĩa ghi âm thanh, công bố đĩa ghi âm thanh cho bị đơn và người liên quan nghe, mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với ông T chỉ yêu cầu bà M trả tiền tương đương số vàng là 3,5 lượng vàng 24 kara. Bị đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày tại các biên bản ghi lời khai, biên bản đối chất và biên bản phiên họp công khai chứng cứ.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: bà N khởi kiện đòi lại tài sản là số vàng cho mượn là 3,5 lượng vàng và tính bằng tiền tại thời điểm xét xử và Tòa án thụ lý yêu cầu đòi tài sản là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án bà N khởi kiện đòi lại 3,5 lượng vàng bà M thừa nhận có mượn nhưng đã trả cho người khác là bà S 1,5 lượng, ông N 02 lượng, là trả không đúng đối tượng giao dịch và cũng không được sự đồng ý của bà N, nên nay bà N khởi kiện bà M là có căn cứ,

Tại phiên tòa bà N rút lại yêu cầu chỉ khởi kiện bà M mà không khởi kiện ông T là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và thấy có lợi cho bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà S thừa nhận có nhận của bà M là 1,5 lượng vàng do đó bà M có quyền khởi kiện bà S để yêu cầu bà S trả lại cho bà 1,5 lượng vàng, đối với số vàng bà trả 2 lượng cho ông N bà không có gì chứng minh và nếu có căn cứ chứng minh thì bà có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

Trên đây là quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T, có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét, những người tham gia tố tụng vắng mặt có đơn xin vắng mặt và được xác nhận công an xã Nhơn H, ông T có vợ là bà M có ghi nhận ý kiến và trình bày lời khai tại Tòa và được thể hiện trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của ông T không gây trở ngại cho việc xét xử; Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của bà N là buộc bà M và ông T trả lại bà số tiền tương đương 3,5 lượng vàng từ năm 1993. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được Tòa án xem xét giải quyết là: “đòi lại tài sản” theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 256, Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 23 Nghị Quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 3 tháng 12 năm 2012 (vụ án thụ lý ngày 13/12/2016 trước ngày 01/01/2017 ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực).

[3] Về thời hiệu: Đây là quan hệ về đòi lại tài sản theo quy định tại khoản 2, Điều 155, điểm d, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Điều 23 Nghị Quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 3 tháng 12 năm 2012 thì không áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, đòi lại tài sản. Các đương sự cũng không có yêu cầu áp dụng thời hiệu.

[4] Về tư cách đương sự: Trong vụ án này nguyên đơn là bà N, bị đơn là bà M và ông T, người liên quan được Tòa án xác định và có ghi nhận lời khai là bà Nguyễn Thị S là người đã thừa nhận có đến gặp bà M lấy số vàng 1,5 lượng vàng. Trong vụ án này bà M có khai trả 02 lượng vàng cho ông Trần Văn N (cha bà N), tuy nhiên bà chỉ có lời khai, hơn nữa ông N đã chết năm 2008, bà M không có chứng cứ nào chứng minh việc trả 02 lượng vàng cho ông N, bà S là vợ ông N thì trình bày cũng không trực tiếp thấy nhận vàng và đem vàng về mà chỉ nghe nói lại, nếu như M cho rằng đã trả cho N 02 lượng vàng thì bà M có chứng cứ chứng minh và có đơn khởi kiện được xem xét giải quyết, thành một vụ án dân sự mới.

[5] Về nội dung: Bà N khởi kiện đòi lại tài sản là số tiền tương đương 3,5 lượng vàng được Tòa án xác định qua thu thập trên trang web: tygiavang.vn. Giấy phép số: 1147/GP-TTĐT do Sở thông tin và truyền thông Hà Nội cấp ngày 05/05/2015, giá trung bình mua vào và bán ra của 3,5 lượng vàng nhẫn loại 24kara/01 lượng = 34.030.000 x 3,5 lượng = 119.105.000 đồng, theo Án lệ số

02/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, có ghi buộc số tiền tương đương số vàng, do đó yêu cầu của nguyên đơn đòi lại số tiền tương đương số vàng là có căn cứ.

[6] Đánh giá chứng cứ: Bà N cho bà M vay 3,5 lượng vàng, bà M thừa nhận có vay bà N 3,5 lượng, nhưng trả không phải cho bà N mà là trả cho S 1,5 lượng, trả cho N 02 lượng, không có ý kiến hay ủy quyền của N nhưng bà M tự trả cho S và N là không đúng đối tượng của giao dịch dân sự, do đó bà M phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 119.105.000 đồng (Một trăm mười chín triệu, một trăm lẻ năm nghìn đồng) tương đương 3,5 lượng vàng 24kara.

[7] Bà Lương Thị M có quyền khởi kiện bà Nguyễn Thị S để yêu cầu trả lại cho bà 1,5 lượng vàng 24kara. Ngoài ra nếu có chứng cứ chứng minh đã trả cho ông N02 lượng vàng 24 kara thì bà có quyền làm đơn khởi kiện thành một vụ án dân sự khác.

[8] Từ những đánh giá chứng cứ như trên, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát, đủ cơ sở buộc bà Lương Thị M trả cho bà N số tiền là 119.105.000 đồng (Một trăm mười chín triệu, một trăm lẻ năm nghìn đồng) tương đương 3,5 lượng vàng 24 kara.

[9] Về án phí: Bà Lương Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị N được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 256, Bộ luật dân sự 2005;
- Căn cứ khoản 2, Điều 155; điểm d, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Án lệ số 02/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ Điều 23 Nghị Quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 147; điểm c, khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án 2009.

**Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N**

Buộc bà Lương Thị M trả cho bà Trần Thị N số tiền 119.105.000 đồng (Một trăm mười chín triệu, một trăm lẻ năm nghìn đồng) tương đương 3,5 lượng vàng 24kara.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T cùng liên đới trả nợ cho bà.

Về án phí: Bà Lương Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.940.375 đồng.

Bà Trần Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số TU/2015/0005563 ngày 12/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của của người vắng mặt là 15 ngày kể ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TA Tỉnh;
- VKS huyện;
- CC THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Phong Phi**

